

Bản án số: **100/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 12 - 2024

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Đức Hoài

Ông Nguyễn Quốc Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23/10/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Bé Văn V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Bé Văn V đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bé Văn V tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2011, đến ngày 08/10/2013 mới đến UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh V không tin tưởng vợ, hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ

chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Bé Văn V đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bé Văn V, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Bé Văn V có 03 con chung là cháu Bé Thị Kim O, sinh ngày 14/11/2011; cháu Bé Bích D, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Bé Thị Hưng Y, sinh ngày 08/9/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là Bé Thị Kim O, Bé Bích D, Bé Thị Hưng Y đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Bé Văn V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bé Văn V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến năm 2013 thì thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2019, sau khi sinh con thứ ba được mười tháng, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị H đi làm công nhân và quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Vì muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nên anh đã nhiều lần bỏ qua nhưng chị H vẫn không thay đổi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh và chị H đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là cháu Bé Thị Kim O, sinh ngày 14/11/2011; cháu Bé Bích D, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Bé Thị Hưng Y, sinh ngày 08/9/2019. Khi ly hôn anh nhất trí giao cả 03 con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bé Văn V chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Văn Long:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bé Văn V.

+ Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Bé Thị Kim O, sinh ngày 14/11/2011; cháu Bé Bích D, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Bé Thị Hưng Y, sinh ngày 08/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bé Văn V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bé Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung với anh Bé Văn V, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bé Văn V có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bé Văn V chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/10/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hóa giải được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Cả chị H và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bé Văn V đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bé Văn V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Bé Thị Kim O, sinh ngày 14/11/2011; cháu Bé Bích D, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Bé Thị Hưng Y, sinh ngày 08/9/2019. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh Bé Văn V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bé Văn V cũng nhất trí giao cả 03 con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng vì các cháu đều là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Trong Biên bản lấy lời khai, các cháu Bé Thị Kim O và Bé Bích D cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, theo đề nghị của các đương sự và theo nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử giao cả ba con chung là cháu Bé Thị Kim O, cháu Bé Bích D và cháu Bé Thị Hưng Y cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bé Văn V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đất đai, vay nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bé Văn V không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bé Văn V (*Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 08/10/2013 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang*)..

2. Về con chung: Giao cháu Bé Thị Kim O, sinh ngày 14/11/2011; cháu Bé Bích D, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Bé Thị Hưng Y, sinh ngày 08/9/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bé Văn V không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Bị đơn anh Bé Văn V không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Bé Văn V được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San